

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2022/DS-PT
Ngày: 21-12-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLPT- DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 401/2022/QĐ-PT ngày 13/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trịnh TA, sinh năm: 1976; cư trú tại số 01, thôn Đ, xã P, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Huỳnh Văn A, sinh năm: 1968, bà Trịnh Thị Mai L, sinh năm: 1964; cư trú tại số 36, thôn PK, xã P, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm: 1968; cư trú tại số 36 thôn PK, xã P, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2247, quyển số 19 – TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T chứng nhận ngày 13/12/2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn A: Ông Huỳnh T, sinh năm: 1958. Địa chỉ: số 36, đường HVT, Phường 5, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng Luật sư NT - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn A - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Nguyễn Trịnh TA thì:

Giữa bà và vợ chồng ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L là người cùng xã nên quen biết nhau. Ngày 26/6/2021, vợ chồng ông Văn A, bà L cần tiền để trả nợ ngân hàng nên đã vay của bà 900.000.000đ; hẹn đến ngày 26/7/2021 sẽ trả nợ nhưng không thực hiện nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Văn A, bà L phải trả số tiền nói trên. Quá trình làm việc tại giai đoạn sơ thẩm, vợ chồng ông Văn A, bà L với bà đã thống nhất việc bị đơn đã trả được 300.000.000đ; còn nợ lại 600.000.000đ. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Văn A, bà L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 600.000.000đ.

- Ông Huỳnh Văn A thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà TA 900.000.000đ; vợ chồng ông đã trả cho bà TA được 300.000.000đ; nay ông đồng ý trả số tiền 600.000.000đ còn nợ cho bà TA.

- Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có triệu tập ông Huỳnh Văn A và bà Trịnh Thị Mai L đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trịnh Thị Mai L vắng mặt; không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022; Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Trịnh TA đối với bị đơn ông Huỳnh Văn A và bà Trịnh Thị Mai L.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn A và bà Trịnh Thị Mai L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Trịnh TA số tiền nợ vay 600.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 12/10/2022, ông Huỳnh Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Huỳnh Văn A vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Nguyễn Trịnh TA đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Huỳnh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn A, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 26/6/2021 bà Nguyễn Trịnh TA có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L vay số tiền 900.000.000đ; thời hạn vay 01 tháng; quá trình hiện hợp đồng thì bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn A thì thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 26/6/2021 thể hiện vợ chồng ông Văn A, bà L có vay của bà TA 900.000.000đ, mục đích vay là đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng; vợ chồng ông Văn A, bà L đã vào ký “Giấy mượn tiền” này; quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm ông Văn A cũng thừa nhận vợ chồng ông có nợ bà TA số tiền nói trên và đã trả được 300.000.000đ; nguyên đơn cũng thống nhất với bị đơn số tiền vay chưa trả. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, ông A cho rằng đối với khoản vay 900.000.000đ theo “Giấy mượn tiền” ngày 26/6/2021 thì vợ chồng ông đã trả hơn số tiền đã vay; cụ thể: vào ngày 29/11/2021 ông đã chuyển khoản từ tài khoản của ông tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện ĐD qua tài khoản của bà TA mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 189.000.000đ; ngày 13/12/2021 ông đã trả thêm cho bà TA 810.000.000đ tại nhà bà TA, tuy các bên không làm giấy biên nhận tiền nhưng bà TA đã xác nhận và được ông ghi âm lại.

Xét lời trình bày vừa nêu của bị đơn thì thấy rằng: đoạn ghi âm mà ông Văn A xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm là nhằm mục đích chứng minh đã đưa cho bà TA số tiền 810.000.000đ; việc này nguyên đơn cũng thừa nhận; tuy nhiên bà TA cho rằng số tiền này được ông Văn A trả cho các khoản nợ khác và xuất trình các giấy nợ mà bị đơn đã vay trước đó; cụ thể là các “Giấy mượn tiền” ngày 26/8/2021 với số tiền vay là 1.185.000.000đ, ngày 18/4/2021 với số tiền vay là 20.000.000đ, ngày 07/4/2021 với số tiền vay là 50.000.000đ; ngày 24/12/2020 với số tiền vay là 120.000.000đ; các khoản nợ này nguyên đơn cũng cho biết bị đơn đã trả xong, hiện nay chỉ còn nợ khoản tiền 600.000.000đ mà các bên đang tranh chấp. Bên cạnh đó,

đoạn ghi âm mà ông Văn A xuất trình được thực hiện trước khi bà TA có đơn khởi kiện; khi làm việc tại Tòa án nhân dân huyện ĐD ông Văn A cũng thừa nhận còn nợ bà TA 600.000.000đ; như vậy nếu cho rằng đã trả hết như nội dung bản ghi âm mà bị đơn xuất trình thì ông Văn A không thể nào thừa nhận việc còn nợ bà TA được; do vậy lời trình bày và chứng cứ mà bị đơn xuất trình tại giai đoạn phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/12/2021, bà TA yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Văn A, bà L trả cho bà số tiền 900.000.000đ; yêu cầu này đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý tại Thông báo thụ lý số 04/TB-TLVA ngày 06/01/2022. Quá trình giải quyết vụ án, bà TA chỉ yêu cầu vợ chồng ông Văn A, bà L phải trả 600.000.000đ; trường hợp này được xem là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 300.000.000đ, lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vừa nêu nhưng lại không thực hiện là có thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên vi phạm này không lớn; trong trường hợp hủy án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của việc giải quyết vụ án; tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Văn A, bà L cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà TA là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm giải quyết thì quan hệ hôn nhân giữa ông Văn A, bà L vẫn còn tồn tại; Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Văn Anh, bà L cùng có trách nhiệm “liên đới” trả nợ là chưa đúng với nội dung của Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 vừa viện dẫn nên cần sửa lại cách tuyên là phù hợp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà TA có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” diện tích 1.911m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 314B tại xã P, huyện ĐD theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 122793 do Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp ngày 29/11/2022 cho ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L. Ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-BPKCTT “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với tài sản nói trên của vợ chồng ông Văn A, bà L.

Xét thấy, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên. Việc hủy bỏ Quyết định vừa nêu được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án Dân sự.

[6] Ông Huỳnh Văn A có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được các chứng cứ chứng minh cho việc đã trả xong khoản nợ nói trên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, tuy nhiên cần sửa Bản án sơ thẩm về việc tuyên trách nhiệm trả nợ.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn A phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn A, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trịnh TA về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L phải trả cho bà Nguyễn Trịnh TA số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-BPKCTT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn A, bà Trịnh Thị Mai L phải chịu 28.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Trịnh TA không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà TA được nhận lại số tiền 19.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003720 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Buộc ông Huỳnh Văn A phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009035 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện ĐD (01);
- Chi cục THADS huyện ĐD (01)
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch